

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 67/PDVN/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH PALDO VINA

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: 0210 3860 600

Email: paldovina@paldovina.com

Mã số doanh nghiệp: 2600304973

Số giấy chứng nhận HACCP: Sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Công ty TNHH Paldo Vina đã có giấy chứng nhận HACCP như sau:

STT	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Nơi cấp	Thông tin cơ sở sản xuất
1	N724811	06/06/2025	GIC	- Công ty TNHH Paldo Vina Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam. - Ký hiệu cơ sở sản xuất: F1 (được in trên bao bì sản phẩm)
2	TQC.05.5545	26/09/2024	Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL	- Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo Vina Địa chỉ: Lô B20.2, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. - Ký hiệu cơ sở sản xuất: F2 (được in trên bao bì sản phẩm)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

MÌ XÀO HƯƠNG VỊ BÒ XÀO BULGOGI PHÔ MAI CAY KORENO

2. Thành phần:

- **Vất mì:** Bột mì (65% khối lượng), dầu cọ tinh luyện, tinh bột khoai mì, chất làm dày (1420), muối, chất ổn định (501(i), 451(i)), chất làm dày (412, 405, 466), chất tạo xốp (500(i)), chất chống oxy hóa (320, 321), phẩm màu tự nhiên (Riboflavin từ *Bacillus subtilis*).
- **Gói gia vị:** Bột kem không sữa, chiết xuất nấm men, bột gia vị hương phô mai (1,1% khối lượng) (sử dụng hương tổng hợp), dextrose anhydrous, bột nước tương, chất điều vị (621), bột

hương bò (0,6% khối lượng) (sử dụng hương tự nhiên và tổng hợp), bột ớt (0,6% khối lượng), bột gia vị cho mì ăn liền vị bò (0,5% khối lượng), muối, phẩm màu tổng hợp (caramen nhóm IV), chất điều vị (364(ii), 631, 627), chất chống đông vón (551), bột tiêu đen, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin), dầu mè, hương sườn nướng (0,04% khối lượng) (sử dụng chất tạo hương tổng hợp và tự nhiên), rau mùi tây sấy, chất tạo cay oleoresin capsicum (0,02% khối lượng), chất tạo ngọt tổng hợp (aspartam), hương liệu thực phẩm (hương sữa tổng hợp).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 08 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói theo quy cách sau:

◆ Đóng gói dạng gói lẻ:

+ Sản phẩm được đóng gói dạng gói lẻ với Khối lượng tịnh 100 g/gói.

+ Đóng thùng: 2,4 kg (24 gói x 100 g).

◆ Đóng gói dạng Block:

+ Sản phẩm được đóng gói dạng Block với Khối lượng tịnh 500 g (5 gói x 100 g) - cứ 5 gói lẻ có khối lượng tịnh 100 g được đóng thành 1 block (gói lớn).

+ Đóng thùng: 4,0 kg (8 blocks x 500 g)

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng gói bên trong bằng bao bì cấu trúc phức hợp, lớp màng trong cùng tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm là CPP đảm bảo phù hợp quy định an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ Y tế, bên ngoài được đóng bằng thùng carton.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Công ty TNHH Paldo Vina.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Ký hiệu cơ sở sản xuất: F1

5.2 Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo Vina.

Địa chỉ: Lô B20.2, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Ký hiệu cơ sở sản xuất: F2

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức tối đa
1	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3

2. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,2
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,2

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

3.1 Chỉ tiêu hóa - lý:

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức tối đa
1	Độ ẩm	%	10,0

3.2 Chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức tối đa
1	TSVSVHK	CFU/g	10 ⁶
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 ³
3	<i>E.coli</i>	CFU/g	10 ²
4	<i>S.aureus</i>	CFU/g	10 ²
5	<i>Cl. Perfringens</i>	CFU/g	10 ²
6	<i>B.cereus</i>	CFU/g	10 ²
7	TSBTNM-M	CFU/g	10 ³

3.3 Chỉ tiêu dinh dưỡng:

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Khoảng dao động
1	Giá trị năng lượng	Kcal/100g	345,6 ~ 518,4

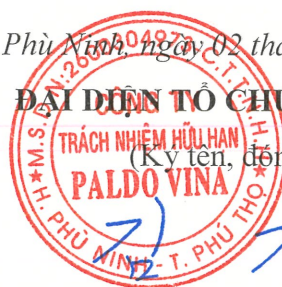
2	Hàm lượng chất đạm	g/100g	7,8 ~ 11,7
3	Hàm lượng carbohydrat	g/100g	48 ~ 72
4	Hàm lượng đường tổng số	g/100g	1,6 ~ 2,3
5	Hàm lượng chất béo	g/100g	13 ~ 19,6
6	Hàm lượng chất béo bão hòa	g/100g	5,8 ~ 8,7
7	Hàm lượng Natri	mg/100g	856 ~ 1284

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Phù Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC MARKETING

Kim Ki Hong

KT: 425 x 275 x 140 mm - THÙNG KORENO 24 GÓI
(KÍCH THƯỚC LÒNG TRONG)



KT: 370 x 280 x 290 mm - THÙNG KORENO 8 BLOCKS - 40 GÓI
(KÍCH THƯỚC LÒNG TRONG)



370 mm

280 mm

370 mm

280 mm



140 mm

290 mm

140 mm